

Số:24/2022/QĐST-HNGĐ

C, ngày 19 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 371 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 33/2022/ TLST-HNGĐ ngày 10/01/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1980.

2/ Anh Vũ Xuân B, sinh năm 1976.

Chứng minh nhân dân số 013167720 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 09/04/2009.

ĐKKHKT tại: Tổ 13 phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Xuân B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, thị xã N, tỉnh Ninh Bình (nay là UBND phường G, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình) ngày 05/02/2004, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị A và anh B phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn nên cùng xin thuận tình ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị thực sự trầm trọng, nguyện vọng xin ly hôn của anh chị là chính đáng nên Tòa chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Xuân B.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Xuân B có 02 con chung là Vũ Xuân Đ, sinh ngày 03/12/2004; Vũ Xuân H, sinh ngày 22/06/2007. Ly hôn, hai bên thỏa thuận anh Vũ Xuân B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị A tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng/01con/tháng (tổng cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung là 5.000.000 đồng/tháng) kể từ tháng 01/2022 cho đến khi cả hai con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Xét thỏa thuận của anh chị là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định của pháp luật, cần được ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Xuân B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Xuân B không vay nợ ai, không cho ai vay nợ và không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về chỗ ở mới sau ly hôn: Các bên tự lo nơi ở mới sau ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí ly hôn: Anh Vũ Xuân B tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày 11/01/2022 là ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Xuân B.

- Về con chung: Giao con chung là Vũ Xuân Đ, sinh ngày 03/12/2004; Vũ Xuân H, sinh ngày 22/06/2007 cho anh Vũ Xuân B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị A tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng/01con/tháng (tổng cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung là 5.000.000 đồng/tháng) kể từ tháng 01/2022 cho đến khi cả hai con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Xuân B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về nợ: Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Xuân B xác nhận không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên Tòa án không xét.

- Về chỗ ở mới sau ly hôn: Các bên tự lo nơi ở mới sau ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2. Về án phí, lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Vũ Xuân B chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn. Xác nhận anh B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C (Biên lai thu số 0018152 ngày 07/01/2022) nay được chuyển thành lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Các bên đương sự;
- VKS quận C;
- UBND phường G,
TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng V